TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 144/2024/DS-PT Ngày: 29-3-2024 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Chọn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 584/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 281/2023/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm: 1952 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn X, sinh năm: 1962 (có mặt)

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1964

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Trần Văn X, sinh năm: 1962.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị T, sinh năm: 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cà Mau - Phòng giao dịch Tắc Vân.

Người đại diện hợp pháp: Ông Thái Văn K – Giám đốc phòng giao dịch, (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông có phần đất tọa lạc tại ấp 2, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/6/1993, tổng diện tích 71.840m^2. Nguồn gốc phần đất là do cha mẹ ông cho, ông Trần Văn D và ông Trần Văn X là anh em ruột, do thấy ông X có hoàn cảnh khó khăn nên năm 2003 ông có cho ông Trần Văn X phần đất có diện tích 13.680m^2, đến năm 2005 thì ông X chuyển nhượng phần đất này cho ông Đặng Văn N, phần đất có diện tích 13.680m^2. Do ông X không còn đất để ở nên vào năm 2005 thì ông tiếp tục cho ông X phần đất ngang 19m, dài 100m tính từ ngôi mộ của người chị thứ 3 trong gia đình đến mé sông, ông X đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với toàn bộ diện tích là ngang 19m, dài 100m. Khi cho đất thì ông và ông X có đắp bờ đê xác định ranh đất, vì là anh em ruột nên cả 02 lần cho đất ông và ông X đều không lập thành văn bản mà chỉ nói miệng. Tháng 6/2021 ông và vợ ông đi làm ăn xa thì ông X ở nhà tự ý bang bờ ranh ra để bờ được rộng hơn với chiều ngang khoảng 22m, dài 15m, diện tích khoảng 330m^2, khi đó các con ông có báo cho ông hay, và các con ông có đi trình báo chính quyền địa phương, địa phương cũng không xuống lập biên bản. Đến ngày 29/6/2021, vợ chồng ông quay về thấy ông X bang bờ ranh ra lấn qua phần đất của ông nên ông đến trình báo chính quyền địa phương việc ông X bang bờ và phát sinh tranh chấp, sau đó sự việc giữa hai bên đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, thành phố Cà Mau hòa giải nhưng không thành. Do ông X bang bờ ra làm cho ông bị thiệt hại về tôm cá, mỗi tháng có 02 con nước, mỗi con nước ông thu nhập từ tôm cá là 2.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu:

Buộc ông Trần Văn X, bà Phạm Thị N trả lại hiện trạng ranh đất ban đầu và trả lại phần đất lấn chiếm ngang 22m, dài 15m tổng diện tích 330m^2, tọa lạc tại ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C . đồng thời phải bồi đắp bờ ranh để ngăn nước mặn; yêu cầu ông X, bà N bồi thường thiệt hại mất thu nhập từ việc lấn ranh làm ông không nuôi được tôm cá thiệt hại của ông trong 10 tháng là 40.000.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của ông X thì ông không đồng ý, lý do ông không gây thiệt hại cho ông X.

Bị đơn ông Trần Văn X trình bày:

Vào năm 1983, ông được cha ruột của ông và ông D là ông Trần Văn L cho 10 công tầm lớn loại đất ruộng, đất vườn là 2.280m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã Tân thành, thành phố Cà Mau. Phần ranh đất đang tranh chấp với ông D là thuộc đất vườn mà ông được cha ông cho. Sau khi cha ông cho đất, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/8/2005 có diện tích 1.900m^2. Vào năm 2002, ông có chuyển nhượng cho ông Đặng Văn N phần đất có diện tích là 10 công tầm lớn loại đất ruộng, khi chuyển nhượng thì hai bên không có đo đạc và phần đất này không liên quan đến

phần ranh đang tranh chấp giữa ông và ông D. Từ trước đến nay ông D không có cho ông phần đất nào như ông D đã trình bày. Phần đất của ông và ông D cặp ranh nhau, ông không bang bờ như ông D nêu, mà vào tháng 6/2021 ông D là người múc đất bên ông D bỏ xuống ao cá của ông, ông đã trình báo đến ban nhân dân ấp, sau đó ban nhân dân ấp đến hiện trường xem xét và có mời hai bên đến trụ sở ban nhân dân để làm việc và có lập biên bản sự việc, khi đó ông D cũng thừa nhận là có múc đất bỏ xuống ao của ông, ông D hứa sẽ lấy đất lên. Do thời gian đã lâu nên ông không nhớ chính xác biên bản làm việc được lập ngày, tháng, năm nào. Do ông không gây thiệt hại cho ông D nên ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D, lý do ông không lấn chiếm đất, không gây thiệt hại việc nuôi tôm cá cho ông D. Đối với yêu cầu của ông D về việc yêu cầu ông phải đổi đắp bờ ranh của ông để ngăn mặn ông không đồng ý vì bờ ranh của ông không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D. Đồng thời, ông phản tố yêu cầu ông D phải múc 950m^3 đất từ ao của ông ra khỏi đất ông và bồi thường thiệt hại tiền cá giống mà ông đã thả xuống ao là 7.500.000 đồng và 3.500.000 đồng tiền thức ăn cá.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cà Mau - Phòng giao dịch Tắc Vân trình bày:

Căn cứ vào thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 7501LAV20200889 ngày 08/4/2020 đã ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cà Mau - Phòng giao dịch Tắc Vân và ông Trần Văn D.

Căn cứ vào thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 7501LAV202300202 ngày 30/01/2023 đã ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cà Mau – Phòng giao dịch Tắc Vân và ông Trần Văn X.

Căn cứ hợp đồng thế chấp số 11/2019/HĐTC ngày 03/7/2019 đã ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cà Mau - Phong giao dịch Tắc Vân và ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N.

Hiện nay ông Trần Văn X đang thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 979387 và AE 081234 tại Ngân hàng, hiện còn dư nợ là 400.000.000 đồng.

Ông Trần Văn D đang thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 139433 tại Ngân hàng, hiện còn dư nợ là 80.000.000 đồng, cho vay theo nghị định 55, không đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản.

Việc tranh chấp giữa ông D với ông X thì Ngân hàng không ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 281/2023/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về việc buộc ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N trả lại phần đất diện tích 260,2m^2 thuộc thửa số 607 tờ bản đố số 07 (nay thuộc thửa số 35 tờ bản đồ số 09) tọa lạc tại ấp 2, xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về việc buộc ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N bồi thường số tiền 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng).*

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về việc buộc ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N phải thực hiện đắp bờ ranh đất ngăn nước mặn.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N về việc buộc ông Trần Văn D bồi thường 11.000.000 đồng và chi phí múc đất mang đổ ra khỏi phần đất ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023 nguyên đơn là ông Trần Văn D có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 281/2023/DS–ST ngày 21/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D yêu cầu buộc ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N trả lại phần đất diện tích 260,2 m^2 thuộc thửa số 607 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp 2, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau cho ông D, buộc ông X và bà N phải bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại nuôi tôm, cá của ông D là 40.000.000 đồng hoàn trả lại chi phí đo đạc cho ông D với số tiền 9.264.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn ông Trần Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn D giữ y Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Văn D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ Bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông với lý do: Phần đất ông cho ông Trần Văn X là thửa số 606 nhưng ông X lại làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 607, cả ông và ông X đều đi làm chung thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17/01/2005 nhưng sau này ông phát hiện ra thời gian ông X đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.07.2005 tức là sau ông gần 06 tháng có thể do ông X đã có dự tính từ trước không làm đúng số thửa ông cho. Suốt quá trình làm thủ tục tách thửa không có cán bộ hay cơ quan đến đo đạc thực tế diện tích sử dụng. Yêu cầu bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại nuôi tôm, cá 40.000.000 đồng của ông là có căn cứ theo biên bản giải quyết của Ủy ban nhân dân xã Tân Thành.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy lý do kháng cáo của ông Trần Văn D là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ:

Tại hồ sơ thể hiện cũng như suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm hôm nay các bên đương sự đều thừa nhận phần đất của hai bên có được là do cha mẹ cho lại từ năm 1983, đến năm 2005 nguyên đơn và bị đơn đều đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên đương sự thấy rằng Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên là đúng trình tự, thủ tục quy định. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 139433 do ông Trần Văn D và bà Hồ Thị T đứng tên thể hiện phần đất có diện tích 10.491m^2 thuộc thửa số 609 tờ bản đồ số 07 (nay thuộc thửa số 36 tờ bản đồ số 09); Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 979387 do ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N đứng tên thể hiện phần đất có diện tích 1.900m^2 thuộc thửa số 607 tờ bản đố số 07 (nay thuộc thửa số 35 tờ bản đồ số 09). Phần đất tranh chấp có hiện trạng là một cái ao diện tích 260,2m^2 từ trước đến nay do bị đơn quản lý sử dụng, nuôi cá. Đến năm 2021 bị đơn có cấm trụ đá làm ranh đất, việc cấm trụ đá làm ranh đất nguyên đơn biết và cũng không ý kiến phản đối gì.

[3] Theo Bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp thể hiện, phần đất bị đơn có 01 cạnh dài 101,32m; một cạnh dài 100,18m là dài hơn kích thước so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, đối chiếu kết quả đo đạc thực tế ngày 27/12/2022, phần đất nguyên đơn hiện đang quản lý sử dụng có diện tích 9.665,1m^2, nếu cộng với phần đất tranh chấp diện tích 260,2m^2, thì diện tích đất nguyên đơn còn thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 817,8m^2. Đối chiếu kết quả đo đạc thực tế ngày 27/12/2022, phần đất bị đơn hiện đang quản lý sử dụng có diện tích 1.638,7m^2, nếu cộng với phần đất tranh chấp diện tích 260,2m^2, thì diện tích đất bị đơn còn thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1,1m^2. Như vậy, xét về diện tích đất thực tế do hai bên quản lý sử dụng, bị đơn quản lý sử dụng vẫn còn thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy chiều dài thửa đất của bị đơn có hai cạnh dài hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng về ranh giới các thửa đất đã được các bên thừa nhận và đã cắm trụ đá làm ranh, các bên đã quản lý sử dụng ổn định thời gian dài, ngoài ra bị đơn có đắp bờ làm ranh đất.

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Văn D nêu lý do phần đất tranh chấp là của ông tặng cho ông Trần Văn X thuộc thửa số 606 nhưng ông X lại tự ý làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang thửa số 607. Cả ông và ông X đều đi làm chung thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17/01/2005 nhưng sau này ông phát hiện ra thời gian ông X đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.07.2005 tức là sau ông gần 06 tháng có thể do ông X đã có dự tính từ trước không làm đúng số thửa ông cho. Tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 607 cho ông X thể hiện nguồn gốc đất là của cha mẹ tặng cho không tranh chấp phù hợp với trình bày hai bên về nguồn gốc đất là của cha để lại. Phía ông D xác định là đất của ông tặng cho nhưng không có giấy tờ tài liệu nào chứng minh, ông D cho rằng cả hai cùng nhau đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hồ sơ thể hiện ông X đi làm sau, như vậy trường hợp đất ông tặng cho thửa số 606 thì khi ông kê khai làm Giấy chứng

nhận sẽ làm luôn quyền sử dụng đất thửa 607 vì ông làm trước ông X chứ không phải ông X làm giấy trước hay làm cùng thời điểm với ông như ông trình bày.

Từ những cơ sở trên, xét thấy việc nguyên đơn ông Trần Văn D khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Văn X trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 260,2m^2 thuộc thửa số 607 tờ bản đố số 07 (nay thuộc thửa số 35 tờ bản đồ số 09) tọa lạc tại ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C . án sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở.

Do nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 260,2m^2 là không có căn cứ chấp nhận, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường mất thu nhập do không được nuôi tôm, cá trên phần đất tranh chấp trong 10 tháng bằng số tiền 40.000.000 đồng là không phù hợp, nên không được án sơ thẩm chấp nhận là phù hợp, đồng thời do toàn bộ yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phía nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn ông Trần Văn D không có cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có căn cứ xem xét để chấp nhận kháng cáo của ông.

[5] Từ những phân tích như nêu trên, bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[6] Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn đã được xét miễn nộp theo quy định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn D.

Giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số: 281/2023/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về việc buộc ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N trả lại phần đất diện tích 260,2m^2 thuộc thửa số 607 tờ bản đố số 07 (nay thuộc thửa số 35 tờ bản đồ số 09) tọa lạc tại ấp 2, xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về việc buộc ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N bồi thường số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về việc buộc ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N phải thực hiện đắp bờ ranh đất ngăn nước mặn.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N về việc buộc ông Trần Văn D bồi thường 11.000.000 đồng và chi phí múc đất mang đổ ra khỏi phần đất ông Trần Văn X và bà Phạm Thị N.

Chi phí đo đạc số tiền 9.264.000 đồng ông Trần Văn D phải chịu, ông D đã nộp xong.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được miễn nên không phải nộp. Nguyên đơn, bị đơn đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không xem xét nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trần Văn D đã được xét miễn nộp theo quy định do là người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng